



gōng sù

公诉

noun · public prosecution

Example Sentences

Zhè ge àn jiàn yóu jiǎn chá yuàn tí qǐ gōng sù
这个案件由检察院提起公诉。

This case was brought to public prosecution
by the procuratorate.

Gōng sù rén yāo qiú fǎ yuàn yán chéng zuì fàn
公诉人要求法院严惩罪犯。

The public prosecutor demanded that the
court severely punish the criminal.

Trace each character, then write the word on your own.

公	公	公	公	公	公	公								
诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉				